

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 12 - 2020

V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Thiệu;
2. Ông Bùi Văn Ôn.

- Thư ký ghi phiên toà: Ông Bùi Văn Hường - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Minh Th, sinh năm 1957. Địa chỉ: phố Tân Sơn (nay là phố Tân Giang), TT Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/11/2020.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1956. Địa chỉ: phố Tân Sơn (nay là phố Tân Giang), TT Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Minh Th trình bày:

Về tình cảm: Bà và ông Phạm Hồng T kết hôn năm 1979 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vụ Bản và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa hòa Th, hạnh phúc, đến năm 2010 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, ông T cờ bạc, ngoại tình với người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến vợ con khiến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Mặc dù bà Th đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình trạng không thay đổi. Cho đến thời điểm này, bà Th xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà Th có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Thu, sinh ngày 19/5/1982 và Phạm Mạnh Hùng, sinh ngày 03/12/1987. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có. Ngoài ra bà Th không có yêu cầu gì thêm.

Về phía ông Phạm Hồng T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của bà Tô Minh Th và ông Phạm Hồng T có nội dung:***

Ông Phạm Hồng T và bà Tô Minh Th kết hôn năm 1979 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2010 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, hai vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà Th có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Thu, sinh ngày 19/5/1982 và Phạm Mạnh Hùng, sinh ngày 03/12/1987. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

- Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận ®Đnh:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình với yêu cầu của nguyên đơn là xin ly hôn, không tranh chấp về tài sản, công nợ và con chung. Bị đơn là ông Phạm Hồng T có hộ khẩu thường trú tại phố Tân Giang, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa Th với nhau việc giải quyết vụ án. Ông T và bà Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là ông Phạm Hồng T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà Th và ông T không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, hai vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, ông T và bà Th có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Thu, sinh ngày 19/5/1982 và Phạm Mạnh Hùng, sinh ngày 03/12/1987. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Th phải chi án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Bà Tô Minh Th được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

2. Về con chung, cấp dưỡng: HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Bà Tô Minh Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003682 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Bà Tô Minh Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Lạc Sơn;*
- *CCTHA huyện Lạc Sơn;*
- *UBND TT Vụ Bản;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

